



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Logistics Vicem

Ngày 31/12/2025	12,050 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.4%	2.1%	37.1%

DT thuần Q4/25
72.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.90 2.7%
YoY: ▲ 8.90 14.1%

LN thuần Q4/25
4.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.11 -21.0%
YoY: ▲ 6.84 255%

LN sau thuế Q4/25
2.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.81 -41.1%
YoY: ▼0.10 -3.8%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
7.6%
YoY: +/-▲ 3.2%

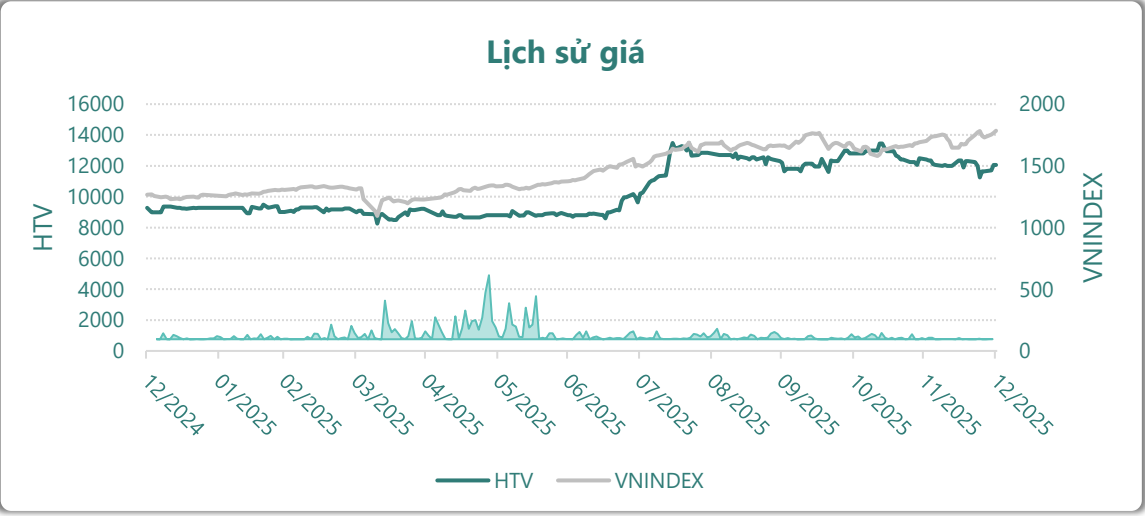
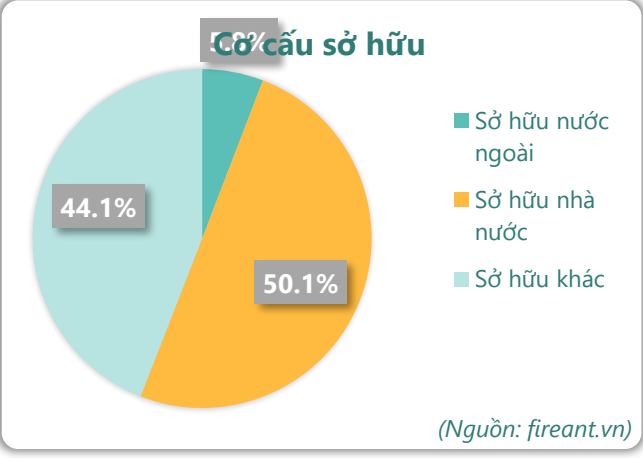
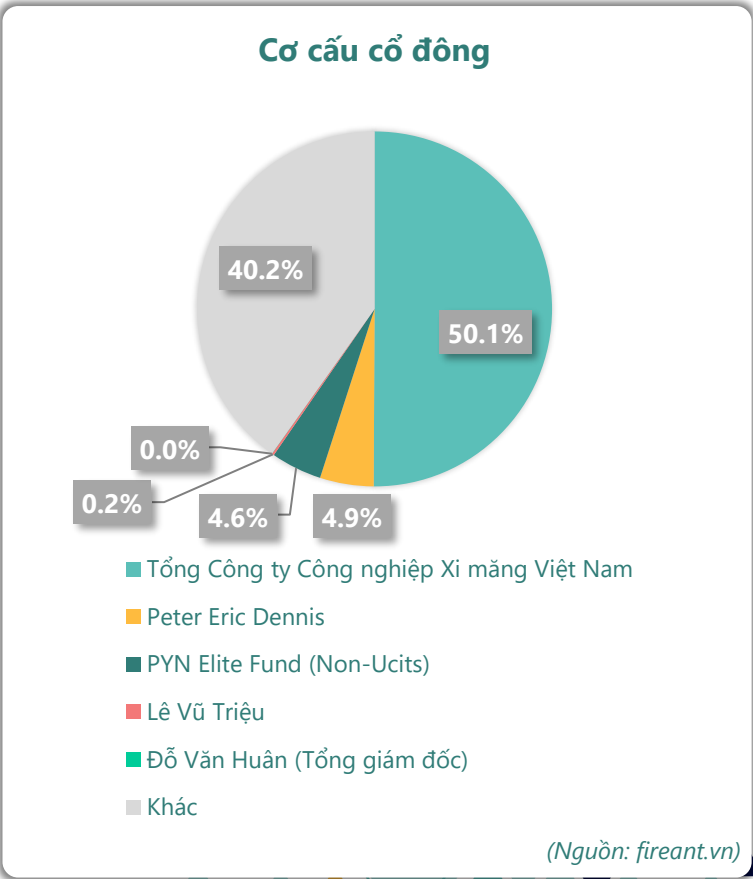
ROE 2025
4.7%
YoY: +/-▲ 1.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,255 - 13,482
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	158
Số lượng CPLH (CP)	13,104,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,965
Sở hữu nước ngoài	5.8%
Beta	0.35
EPS	1,211
P/E	10.0

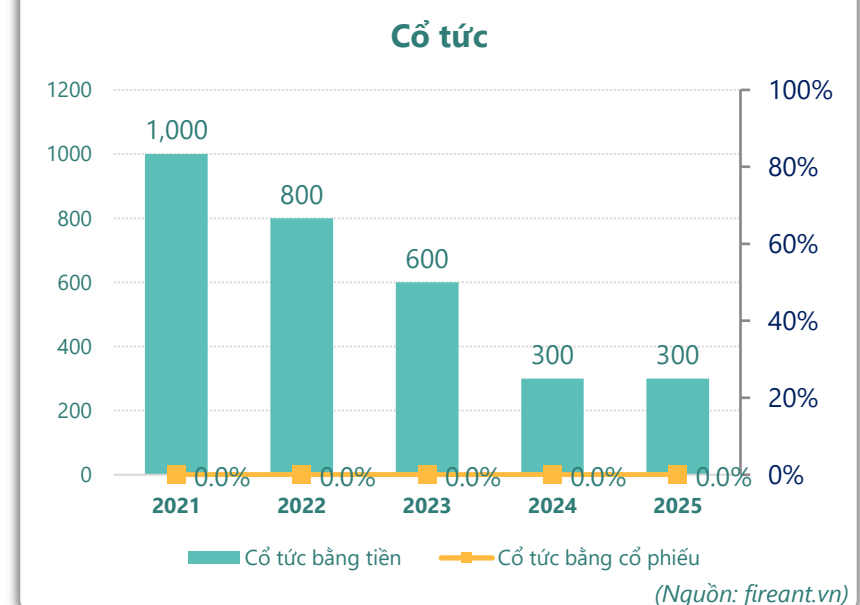
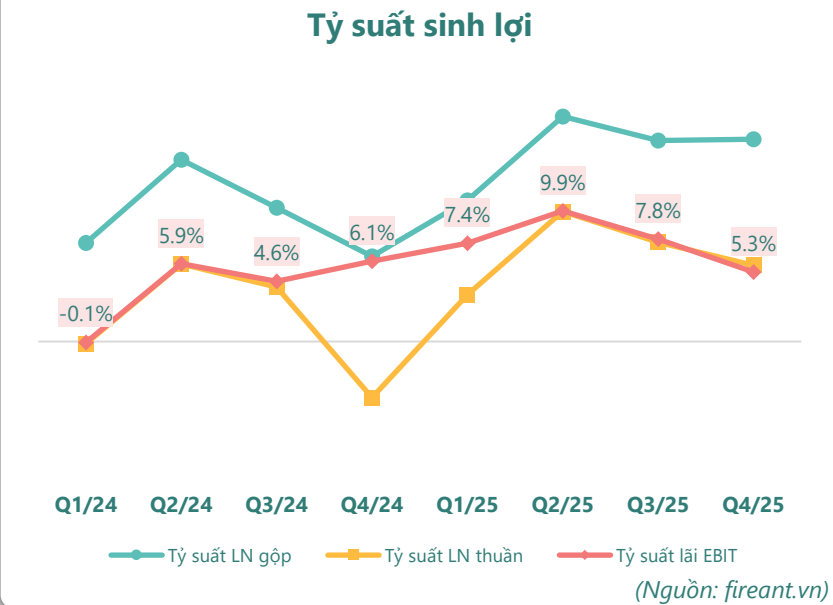
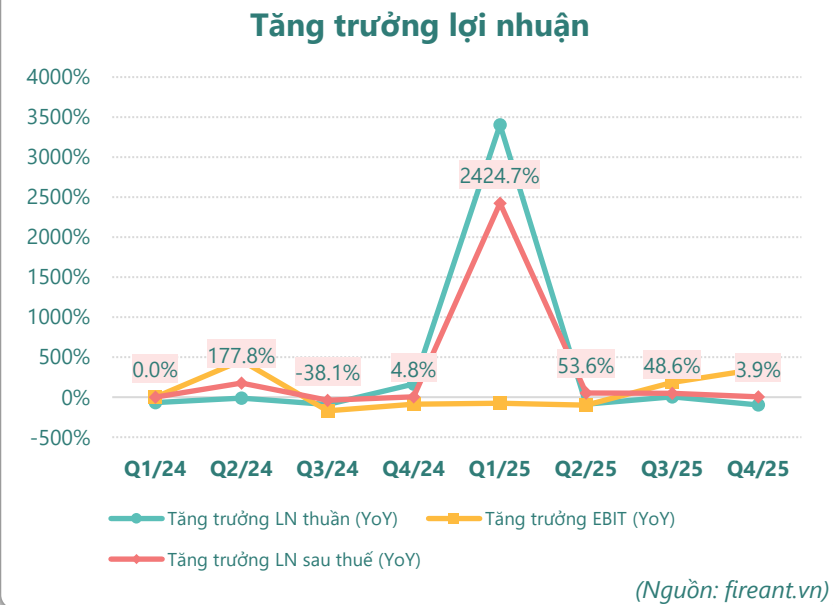
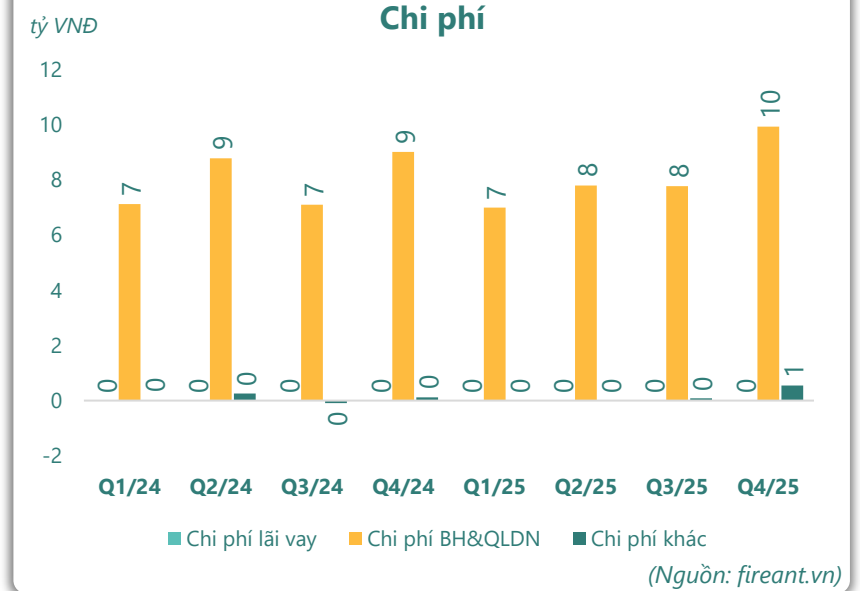
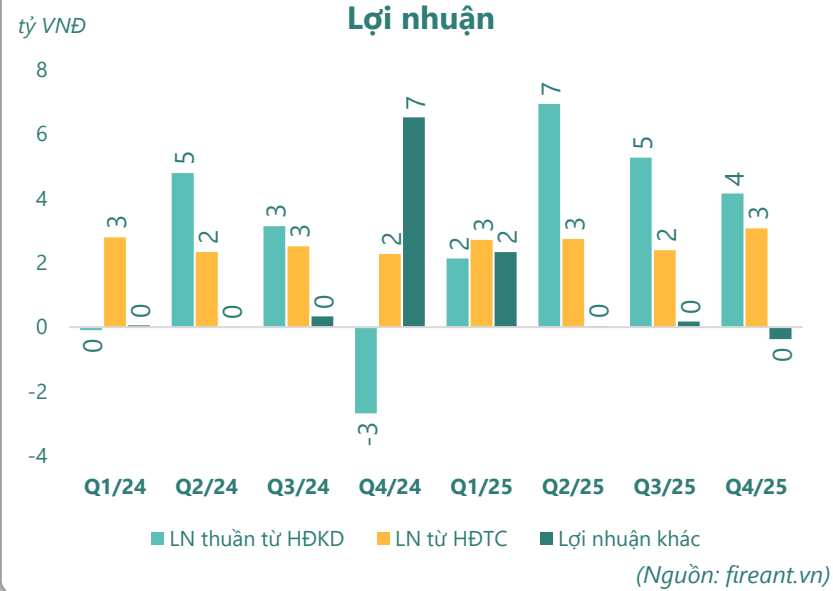
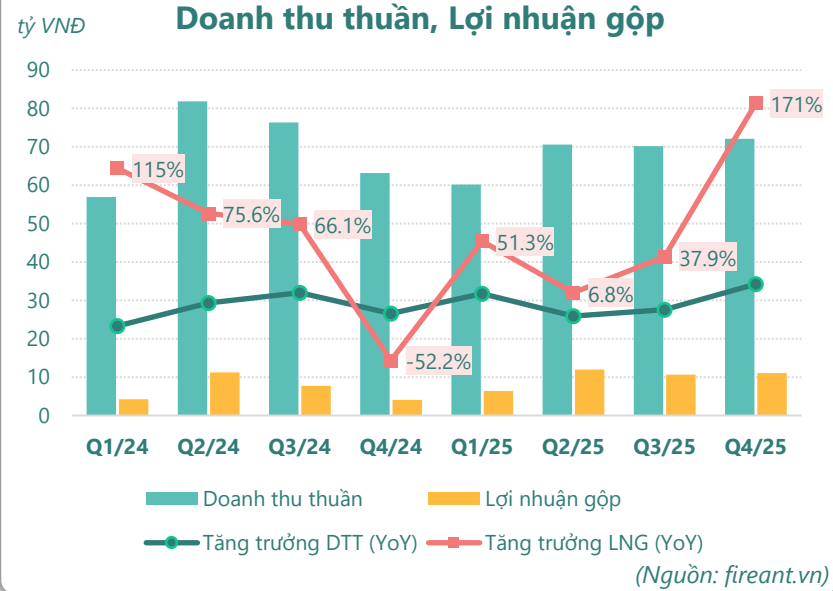
DT thuần 2025
273
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00 -1.9%

LN thuần 2025
18.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.2 250%

LN sau thuế 2025
16.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.91 74.1%



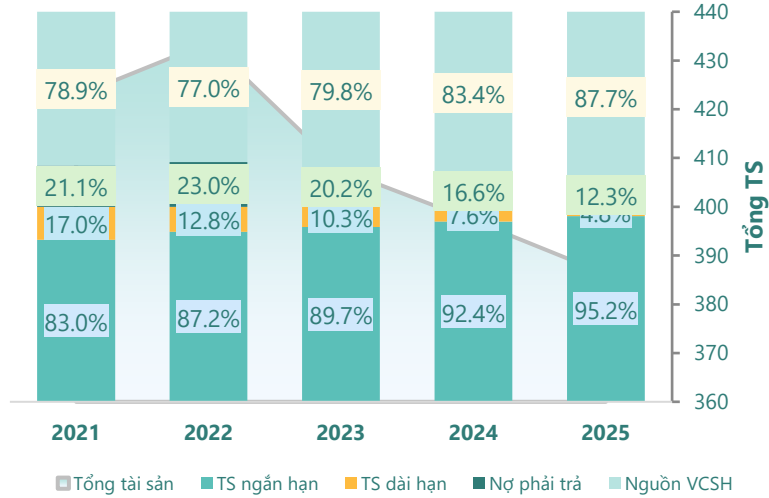
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

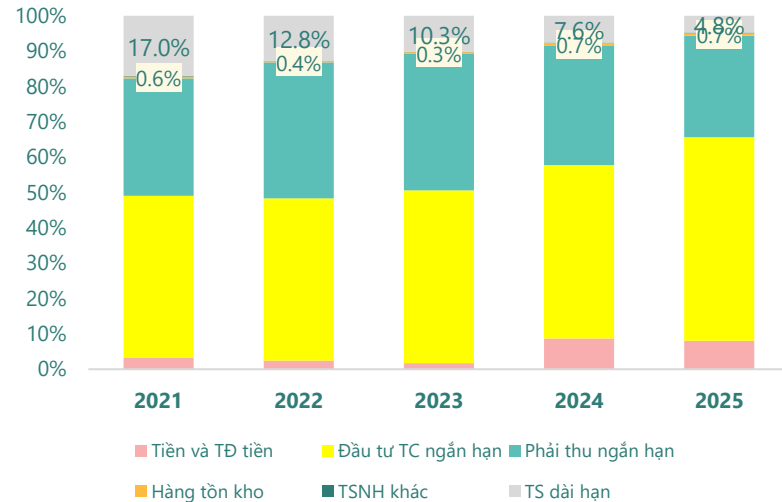
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

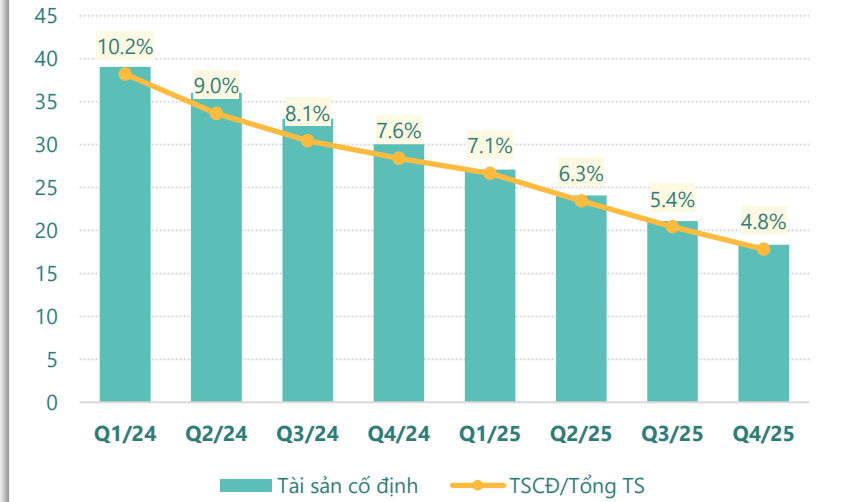
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

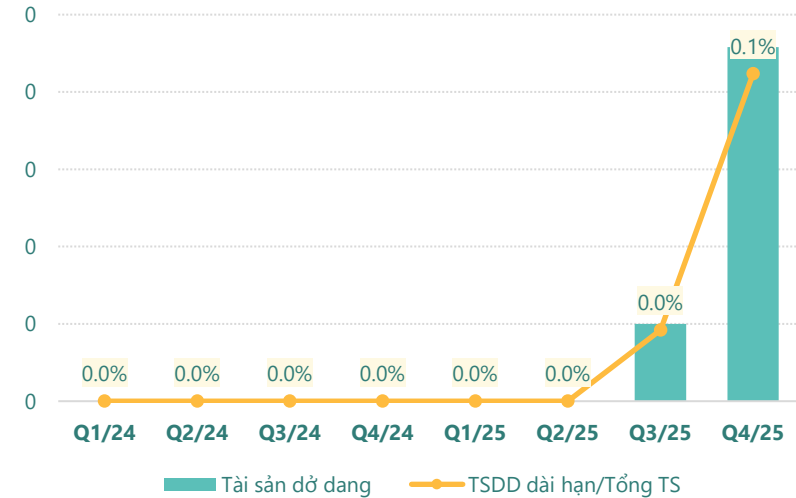
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

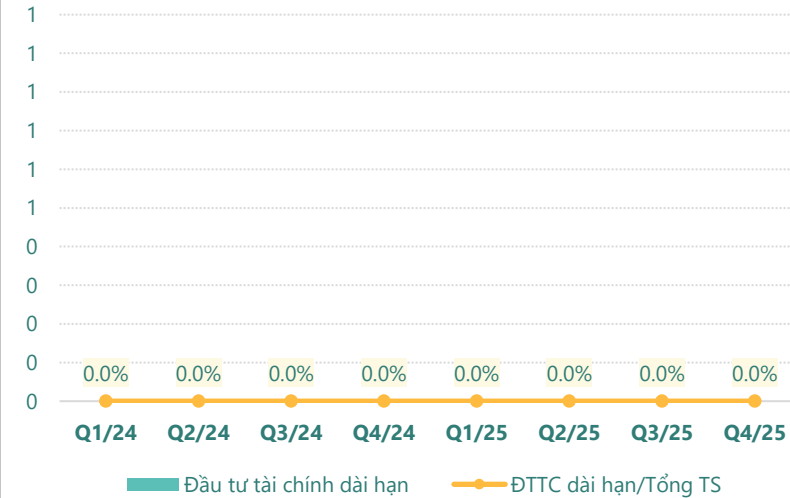
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

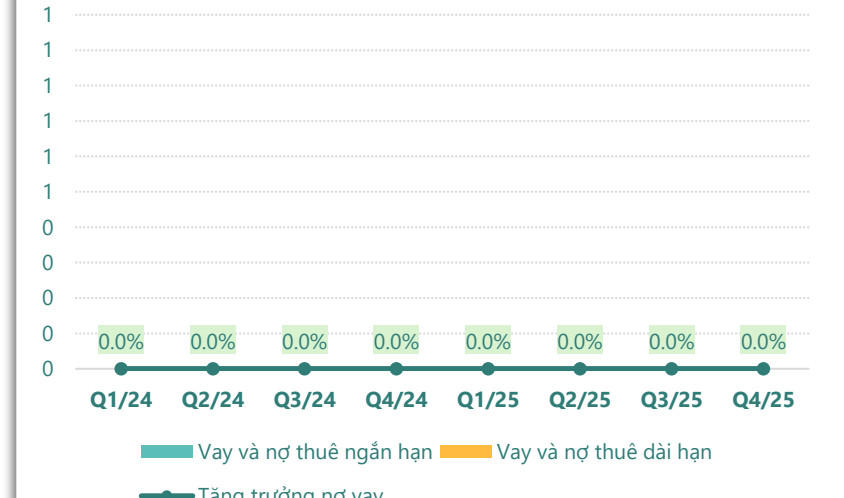
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

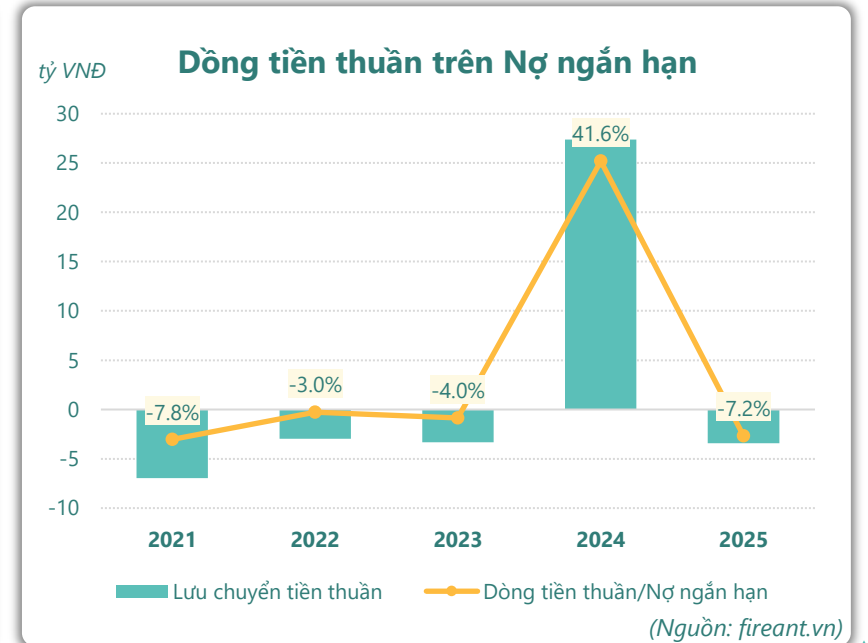
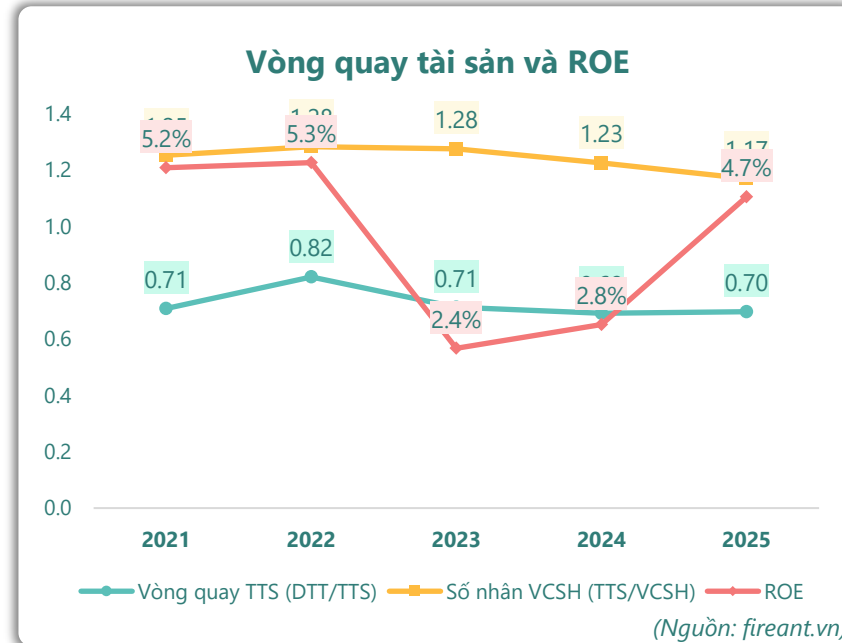
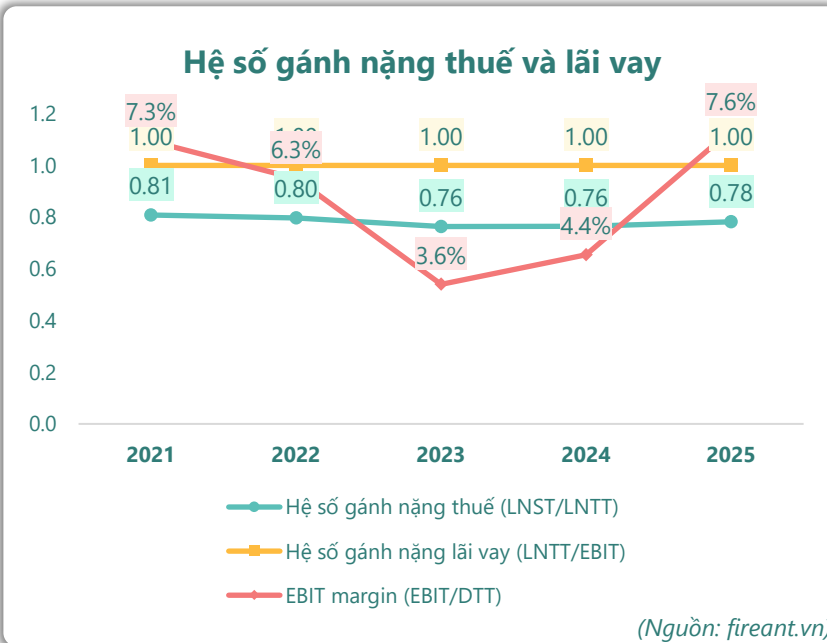
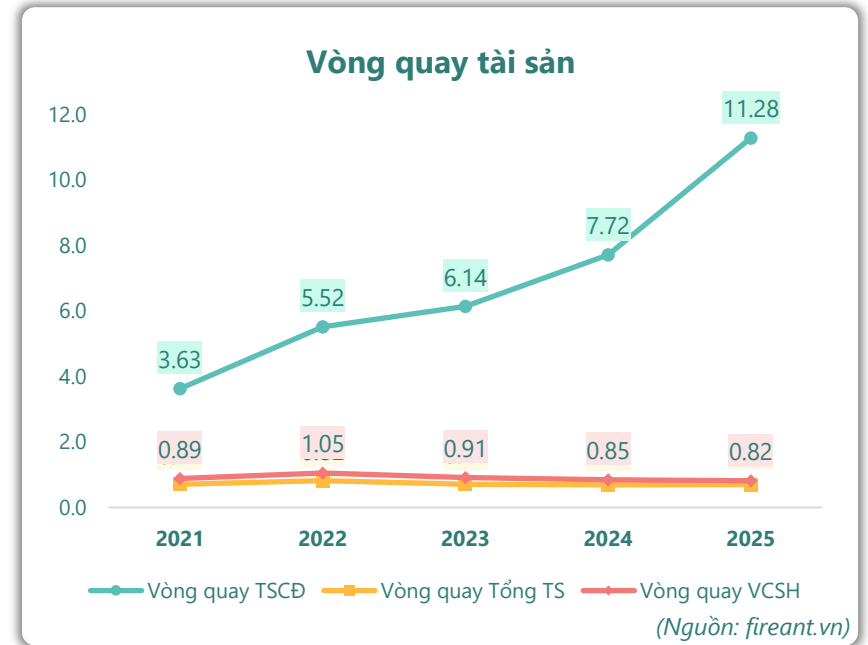
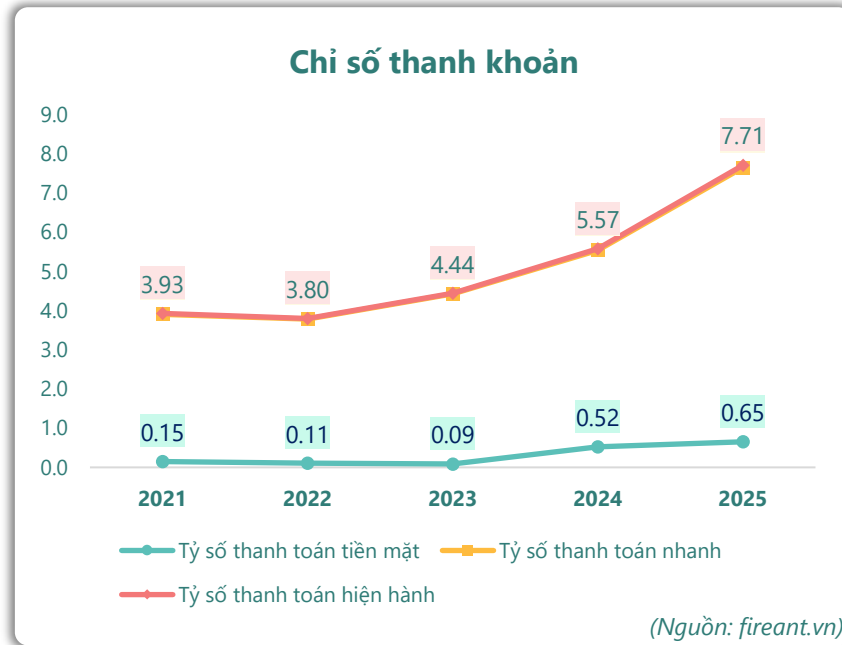
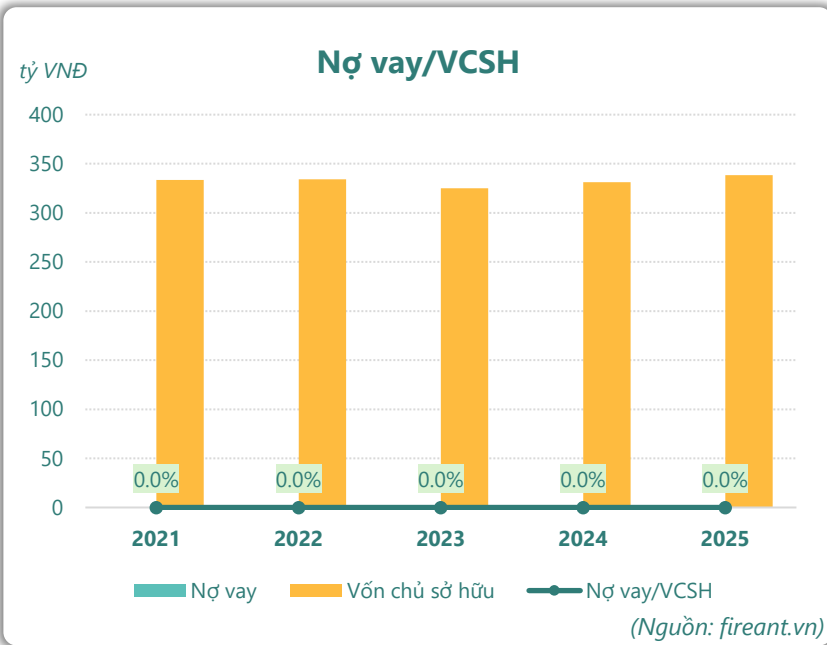
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	72.1	63.2	14.1%	273	278	-1.9%
Giá vốn hàng bán	61.1	59.1	3.3%	233	251	-7.2%
Lợi nhuận gộp	11.0	4.07	171%	40.1	27.3	47.0%
Doanh thu HĐTC	3.07	2.27	35.4%	10.9	9.92	10.1%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	9.95	9.02	10.3%	32.6	31.9	1.9%
LN thuần từ HĐKD	4.16	-2.68	255%	18.5	5.29	250%
Lợi nhuận khác	-0.37	6.52	-106%	2.17	6.86	-68.4%
LN trước thuế	3.79	3.84	-1.3%	20.7	12.1	70.3%
Lợi nhuận sau thuế	2.60	2.70	-3.8%	16.2	9.29	74.1%
LNST của CĐ cty mẹ	2.54	2.70	-5.8%	15.9	9.17	73.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.74	-5.99	-5.08	18.2	9.75	-8.20
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.7	6.37	1.13	-15.7	-5.19	5.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.93	6.38	0	0	-3.93	0
Tiền đầu kỳ	11.8	27.8	34.5	30.6	33.1	33.8
Lưu chuyển tiền thuần	16.0	6.76	-3.95	2.54	0.63	-2.65
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.8	34.5	30.6	33.1	33.8	31.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	386	397	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	368	367	0.1%
Tiền và tương đương tiền	31.1	34.5	-9.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	195	14.2%
Phải thu ngắn hạn	111	134	-17.6%
Hàng tồn kho	2.76	2.73	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	0.54	-10.4%
Tài sản dài hạn	18.6	30.1	-38.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	18.3	30.1	-39.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	47.7	65.8	-27.6%
Nợ ngắn hạn	47.7	65.8	-27.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	30.1	45.9	-34.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	339	331	2.2%
Vốn chủ sở hữu	339	331	2.2%
Vốn điều lệ	131	131	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

